

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ
CÔNG ÍCH QUẬN 9**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 tiền thân là Công ty Quản lý và Phát triển Đô thị Quận 9, là Công ty thuộc sở hữu vốn Nhà nước, được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4106000197 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2006. Công ty được chuyển đổi thành “Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9” theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301469483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 9 năm 2010.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2014, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 1, chuẩn y cho việc bổ sung vốn điều lệ từ 10.573.000.000 VND lên 10.640.205.907 VND và bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

- **Vốn điều lệ** : 10.640.205.907 VND
- **Chủ sở hữu** : Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (084) 37307199
 - Fax : (084) 38973318
 - Mã số thuế : **0 3 0 1 4 6 9 4 8 3**

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Quản lý, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông, công trình đô thị, dịch vụ công cộng theo phân cấp và chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước. Thi công các công trình giao thông. Quản lý, cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp giao Quận quản lý theo qui định. Giải tỏa, di dời và bố trí tái định cư theo quy hoạch của Thành phố. Đầu tư xây dựng các dự án dân cư. Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước đô thị. Nạo vét kênh rạch - hệ thống thoát nước. Dịch vụ đo đạc bản đồ. Dịch vụ đo vẽ nhà, đất. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); thiết kế xây dựng công trình công nghiệp. Giám sát thi công công trình công nghiệp. Tư vấn lập dự án đầu tư, đấu thầu. Thi công công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ mai táng, cải táng, hỏa táng. Xây dựng, quản lý nghĩa trang. Xử lý rác thải độc hại, rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở). Thu gom, vận chuyển rác thải độc hại, rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà trọ. Dịch vụ thương mại.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Thành viên và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
<u>Hội đồng Thành viên</u>	
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Tuấn	Thành viên
Ông Võ Đại Long	Thành viên

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Lô Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên

Chức vụ

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Tuấn

Giám đốc

Ông Võ Đại Long

Phó Giám đốc

Kiểm soát viên

Ông Trần Văn Đò

Kiểm soát viên

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 30).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Lô Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



NGUYỄN THÀNH TUẤN - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015

Số: 0249/2015/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 được lập ngày 9 tháng 3 năm 2015, từ trang 7 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Chúng tôi cũng chưa nhận được đầy đủ xác nhận liên quan đến các khoản công nợ phải thu, phải trả (xem chi tiết tại Thuyết minh số V.2, số V.3, số V.4, số V.6, số V.13 và số V.14), đồng thời cũng không có đủ điều kiện để thực hiện các phương pháp kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu của các chỉ tiêu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015



VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		941.578.048.219	832.085.944.067
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.356.677.191	17.502.487.575
1. Tiền	111		17.005.157.274	15.586.080.319
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.351.519.917	1.916.407.256
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.114.481.833	22.223.930.528
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	11.811.190.048	9.029.750.268
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6.247.964.000	7.373.117.775
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.055.327.785	5.821.062.485
IV. Hàng tồn kho	140		879.984.699.478	770.436.594.673
Hàng tồn kho	141	V.5	879.984.699.478	770.436.594.673
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.122.189.717	21.922.931.291
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.090.743.375
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	20.122.189.717	16.832.187.916
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.341.294.966	44.932.458.018
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.478.236.237	31.088.648.945
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	31.562.765.793	28.293.534.211
<i>Nguyên giá</i>	222		42.275.752.553	36.692.116.190
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.712.986.760)	(8.398.581.979)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	8.249.998
<i>Nguyên giá</i>	228		33.000.000	33.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(33.000.000)	(24.750.002)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	3.915.470.444	2.786.864.736
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	124.484.957.023	8.773.490.732
<i>Nguyên giá</i>	241		127.407.931.672	11.393.884.676
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(2.922.974.649)	(2.620.393.944)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.378.101.706	5.070.318.341
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19.631.270	39.262.537
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	5.358.470.436	5.031.055.804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.106.919.343.185	877.018.402.085

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

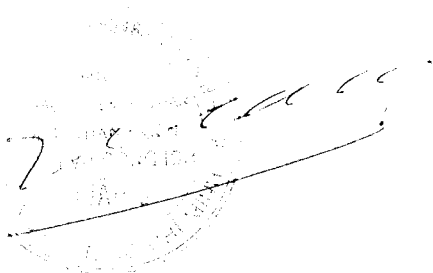
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

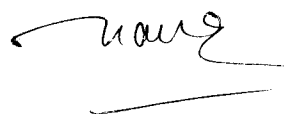
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		963.856.591.665	849.322.512.787
I. Nợ ngắn hạn	310		375.771.229.528	392.795.109.268
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	32.737.800.000	30.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.13	11.054.715.824	7.133.755.115
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	44.732.206.554	58.215.192.151
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	9.177.539.256	6.245.851.887
5. Phải trả người lao động	315		6.194.178.331	5.724.387.308
6. Chi phí phải trả	316	V.16	7.275.219.389	5.327.789.824
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	268.895.048.809	283.348.619.718
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	(4.295.478.635)	(3.200.486.735)
II. Nợ dài hạn	330		588.085.362.137	456.527.403.519
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	359.765.515.280	275.624.147.036
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	228.319.846.857	180.903.256.483
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.062.751.520	27.695.889.298
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	18.564.562.949	24.457.907.854
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.640.205.907	18.055.462.865
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.245.114.292	2.312.320.199
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.030.950.237	1.030.950.237
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.648.292.513	3.059.174.553
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		124.498.188.571	3.237.981.444
1. Nguồn kinh phí	432		972.468.548	3.208.771.282
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		123.525.720.023	29.210.162
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.106.919.343.185	877.018.402.085

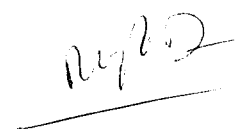
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015



NGUYỄN THÀNH TUẤN
Giám đốc



NGUYỄN THỊ THỦY TRANG
Kế toán trưởng



ĐỖ UYÊN MỸ HẠNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

(Có so sánh với số liệu năm 2013)

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.915.691.694	74.098.299.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.915.691.694	74.098.299.856
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.840.579.006	62.001.936.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.075.112.688	12.096.363.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	43.804.537	33.991.699
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.382.254.696	1.024.399.369
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.381.425.363	1.007.678.334
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	11.191.279.891	8.509.967.221
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.545.382.638	2.595.988.708
11. Thu nhập khác	31		1.406.500	110.490.546
12. Chi phí khác	32		98.964.573	412.866.353
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	(97.558.073)	(302.375.807)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.447.824.565	2.293.612.901
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	632.019.219	1.561.112.340
16. (Thu nhập) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(71.725.609)	(767.737.640)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.887.530.955</u>	<u>1.500.238.201</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015



NGUYỄN THÀNH TUẤN

Giám đốc

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

Kế toán trưởng

ĐỖ UYÊN MỸ HẠNH

Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

25B đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.447.824.565	2.293.612.901
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.625.235.484	2.593.992.065
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(43.804.537)	(33.991.699)
- Chi phí lãi vay	06		1.381.425.363	1.007.678.334
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		6.410.680.875	5.861.291.601
- Giảm các khoản phải thu	09		1.910.190.269	2.462.080.015
- Tăng hàng tồn kho	10		(47.035.709.078)	(13.895.276.728)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí phải trả)	11		27.386.921.526	(2.577.008.289)
- Giảm chi phí trả trước	12		19.631.267	480.980.272
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII	(64.942.321.090)	(15.311.830.486)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.010.942.963)	(833.290.177)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	40.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.094.991.900)	(3.108.850.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.356.541.094)	(26.881.904.774)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.712.242.071)	(5.880.161.663)
- Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cổ tức	27		43.804.537	33.991.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.668.437.534)	(5.846.169.964)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.245.114.292
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		228.127.800.000	30.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(141.248.631.756)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		86.879.168.244	32.245.114.292
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.854.189.616	(482.960.446)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.502.487.575	17.985.448.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.356.677.191	17.502.487.575

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015



NGUYỄN THÀNH TUẤN
Giám đốc

NGUYỄN THỊ THỦY TRANG
Kế toán trưởng

ĐỖ UYÊN MỸ HẠNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Nhà nước
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** : Quản lý, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông, công trình đô thị, dịch vụ công cộng theo phân cấp và chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước. Thi công các công trình giao thông. Quản lý, cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp giao Quận quản lý theo qui định. Giải tỏa, di dời và bố trí tái định cư theo quy hoạch của Thành phố. Đầu tư xây dựng các dự án dân cư. Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước đô thị. Nạo vét kênh rạch - hệ thống thoát nước. Dịch vụ đo đạc bản đồ. Dịch vụ đo vẽ nhà, đất. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); thiết kế xây dựng công trình công nghiệp. Giám sát thi công công trình công nghiệp. Tư vấn lập dự án đầu tư, đấu thầu. Thi công công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ mai táng, cải táng, hỏa táng. Xây dựng, quản lý nghĩa trang. Xử lý rác thải độc hại, rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở). Thu gom, vận chuyển rác thải độc hại, rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà trọ. Dịch vụ thương mại.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ chín của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 225 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 211 người).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về báo cáo doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9
Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm vay và nợ ngắn hạn và dài hạn, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 30
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15
Thiết bị văn phòng	3

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán. Giá trị của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà, kiot do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư (nếu có).

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoài ra, bất động sản của Công ty bao gồm một số dự án, căn nhà thuộc sở hữu Nhà nước do Công ty quản lý, Công ty không thực hiện trích khấu hao và khi bán, các bất động sản này được kết chuyển giảm tương ứng vốn đã nhận được.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được Ngân sách Nhà nước cấp và bổ sung từ lợi nhuận kinh doanh hàng năm.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo qui định Nhà nước.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thუნhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	465.957.736	432.728.504
Tiền gửi ngân hàng	16.539.199.538	15.153.351.815
Các khoản tương đương tiền	2.351.519.917	1.916.407.256
Cộng	19.356.677.191	17.502.487.575

2. Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	208.527.160	-
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 9	4.824.720.614	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	145.541.503	145.541.503
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TPHCM	3.716.089.572	3.471.305.796
Công nợ tồn đọng nhà thuộc SHNN	2.595.048.218	3.852.265.228
Các khách hàng khác	321.262.981	1.560.637.741
Cộng (*)	11.811.190.048	9.029.750.268

(*) Toàn bộ công nợ chưa nhận được xác nhận

3. Trả trước cho người bán

Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh	190.000.000	146.790.000
Công ty TNHH Xây dựng điện Thái Dương	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Thang máy và Thiết bị Thăng Long	2.876.192.000	2.876.192.000
Các nhà cung cấp khác	181.772.000	1.350.135.775
Cộng (*)	6.247.964.000	7.373.117.775

(*) Toàn bộ công nợ chưa nhận được xác nhận

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>29.470.152</i>	-
<i>Phải trả cổ phần hóa</i>	<i>9.600.000</i>	-
Các khoản phải thu khác (*)	4.016.257.633	5.821.062.485
Tiền nên khu dân cư Phường Tân Nhơn Phú B	500.000.000	500.000.000
Ông Đoàn Minh Bền	870.000.000	870.000.000
Đền bù Khu dân cư TP	334.574.000	334.574.000
Bà Đoàn Thị Đới	1.500.000.000	1.500.000.000
Ông Bùi Văn Tùng	300.000.000	300.000.000
Bà Đoàn Thị Việt Vui	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải thu khác	11.683.633	1.816.488.485
Cộng	4.055.327.785	5.821.062.485

(*) Các công nợ chưa nhận được xác nhận

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho phản ánh chi phí xây dựng của các công trình, dự án còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, chi tiết cụ thể như sau:

Chi phí xây dựng xây dựng	16.729.756.321	20.088.213.692
Chi phí xây dựng nạo vét HTTN, duy tu, sửa chữa	4.405.150.618	9.080.972.590
Chi phí xây dựng công tác vệ sinh môi trường	3.775.610.583	905.755.255
Chi phí xây dựng chăm sóc công viên tiêu đảo, phát quan	2.471.089.147	4.634.453.048
Chi phí xây dựng 36 căn, 84 căn, ki ốt, thuê nhà sở hữu Nhà Nước	162.773.650	162.773.650
Chi phí tái định cư	850.376.069.055	733.928.172.233
Chi phí xây dựng chung cư C1, C2, C3, C4, C4, C5, C6	1.287.539.766	1.145.116.402
Chi phí xây dựng khác	776.710.338	491.137.803
Cộng	879.984.699.478	770.436.594.673

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho các đối thi công trình	20.122.189.717	16.832.187.916
Cộng (*)	20.122.189.717	16.832.187.916

(*) Toàn bộ công nợ tạm ứng chưa nhận được xác nhận

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	25.609.571.681	539.165.324	10.187.769.385	355.609.800	36.692.116.190
Tăng trong năm	-	-	5.583.636.363	-	5.583.636.363
<i>Mua sắm mới</i>	-	-	5.583.636.363	-	5.583.636.363
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	25.609.571.681	539.165.324	15.771.405.748	355.609.800	42.275.752.553
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	4.105.028.474	299.272.924	3.655.536.135	338.744.446	8.398.581.979
Tăng trong năm	1.326.810.876	65.425.200	905.303.351	16.865.354	2.314.404.781
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.326.810.876	65.425.200	905.303.351	16.865.354	2.314.404.781
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.431.839.350	364.698.124	4.560.839.486	355.609.800	10.712.986.760
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.504.543.207	239.892.400	6.532.233.250	16.865.354	28.293.534.211
Số cuối năm	20.177.732.331	174.467.200	11.210.566.262	-	31.562.765.793

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

Số đầu năm	-	361.636.404	1.774.695.453	493.641.760	2.629.973.617
Số cuối năm	66.023.934	212.039.324	1.425.209.248	355.609.800	2.058.882.306

Như trình bày tại Thuyết minh số V.12 và số V.19, Công ty đã thế chấp các phương tiện vận tải (xe ép rác) với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.939.890.909 VND (năm 2013: 5.594.200.000 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 9.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	33.000.000	-	-	33.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	24.750.002	8.249.998	-	33.000.000
Giá trị còn lại	8.249.998	(8.249.998)	-	-

Phần mềm kế toán đã hết khấu hao vào trong năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng Trụ sở Công ty	3.915.470.444	2.786.864.736
Cộng	<u>3.915.470.444</u>	<u>2.786.864.736</u>

10. Bất động sản đầu tư

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	11.393.884.676	117.502.879.839	1.488.832.843	127.407.931.672
Giá trị hao mòn lũy kế	2.620.393.944	302.580.705	-	2.922.974.649
Giá trị còn lại	<u>8.773.490.732</u>	<u>117.200.299.134</u>	<u>1.488.832.843</u>	<u>124.484.957.023</u>

Bất động sản tăng/ giảm trong năm tương ứng với giá trị nhà, căn hộ thuộc sở hữu Nhà nước do Công ty đã nhận quản lý/ bán được trong năm, xem số vốn tăng/ giảm tương ứng ở Thuyết minh số V.21.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận liên quan đến số tiền tạm thu từ hộ dân/ vốn ngân sách Nhà nước cấp của các dự án tái định cư chưa hoàn thành như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.031.055.804	-
Điều chỉnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh các năm trước	255.689.023	4.263.318.164
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	71.725.609	767.737.640
Số cuối năm	<u>5.358.470.436</u>	<u>5.031.055.804</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ông Nguyễn Hữu Tài (1)	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngắn hạn – Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Quận 9 (2)	2.737.800.000	-
Cộng	<u>32.737.800.000</u>	<u>30.000.000.000</u>

(1) Vay ngắn hạn ông Nguyễn Hữu Tài theo Hợp đồng vay tiền số 91/HĐVT-CTY ngày 29 tháng 7 năm 2013, Phụ lục hợp đồng 161/PLHĐ-CTY ngày 01 tháng 8 năm 2014 và Phụ lục hợp đồng 141/PLHĐ-CTY ngày 29 tháng 10 năm 2014 với số tiền vay là 30.000.000.000 VND cho mục đích thi công các dự án tái định cư (Khu tái định cư Long Bửu giai đoạn 2,...). Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay theo lãi suất bình quân của Vietinbank và Agribank Chi nhánh 9 (trước tháng 11 năm 2014: 13%/năm, từ tháng 11 năm 2014: 12%).

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 9 theo Hợp đồng tín dụng số 6300LAV201401854 ngày 26 tháng 8 năm 2014 với số tiền vay là 2.737.800.000 VND cho mục đích mua xe rác. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay là 9,5%/năm. Công ty sử dụng tài sản mua bằng nguồn vốn vay để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế tài sản số 6300-LCP-201401682 ngày 17 tháng 10 năm 2014 (xem Thuyết minh số V.7).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Văn Đa	1.483.515.000	1.946.750.000
Ông Trần Gia Luân	3.543.113.209	3.543.113.209
Công ty TNHH MTV Ngân Sơn	675.981.900	675.981.900
Ông Bùi Quang Quốc	2.580.656.901	133.102.602
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Thanh Sơn (*)	2.217.877.930	16.586.200
Các nhà cung cấp khác	553.570.884	818.221.204
<i>Trong đó, công nợ đã nhận được xác nhận (*)</i>	<i>196.089.986</i>	
Cộng	11.054.715.824	7.133.755.115
(*) Công nợ đã nhận được xác nhận	2.413.967.916	
Các công nợ chưa nhận được xác nhận	8.640.747.908	

14. Người mua trả tiền trước

Ban Chỉ huy Quân Sự Quận 9	448.181.818	448.181.818
Chung cư C1, C2 - Hiệp Phú - Quận 9	7.123.364.226	6.217.592.126
Chung cư C3, C4 - Hiệp Phú - Quận 9	10.841.456.934	8.533.315.201
Chung cư C5, C6 phường Tăng Nhơn Phú A - Quận 9	25.246.274.034	-
Phòng Tài chính	272.503.904	5.961.989.203
UBND Phường Long Bình	678.470.068	683.605.686
Các khách hàng khác	121.955.570	36.370.508.117
Cộng (*)	44.732.206.554	58.215.192.151

(*) Toàn bộ công nợ chưa nhận được xác nhận

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng hóa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	3.254.504.784	-	3.254.504.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.378.026.110	901.487.802	1.010.942.963	5.268.570.949
Thuế thu nhập cá nhân	331.114.419	588.245.688	608.643.197	310.716.910
Thuế nhà đất, Tiền thuê đất	-	79.320.977	79.320.977	-
Các loại thuế khác	305.326.753	184.072.144	392.041.753	97.357.144
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	231.384.605	167.123.249	152.118.385	246.389.469
<i>Thuế môn bài, phí và lệ phí Nộp 60% Khấu hao cơ bản nhà sơ hữu Nhà nước</i>	<i>140.326.081</i>	<i>167.123.249</i>	<i>152.118.385</i>	<i>155.330.945</i>
	<i>91.058.524</i>	-	-	<i>91.058.524</i>
Cộng	6.245.851.887	5.174.754.644	2.243.067.275	9.177.539.256

(*) Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	632.019.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	269.468.583
Cộng	901.487.802

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng

Doanh thu dịch vụ hoạt động công ích : Không chịu thuế

Doanh thu tiền nước nhà cho thuê, kiot : 5%

Doanh thu khác : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả thực hiện các dự án	4.279.289.824	5.327.789.824
Chi phí vật tư, nhân công	1.890.586.999	-
Chi phí duy tu, bảo dưỡng	1.015.297.727	-
Chi phí khác	90.044.839	-
Cộng	<u>7.275.219.389</u>	<u>5.327.789.824</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>25.571.912</i>	<i>21.570.257</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>-</i>	<i>7.447.093</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>268.869.476.897</i>	<i>283.319.602.368</i>
Nhận góp của Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa tư nhân Triều An	92.000.000.000	92.000.000.000
Vốn NSNN cấp cho công trình khu tái định cư Long Bửu giai đoạn 1	116.139.329.000	116.139.329.000
Vốn NSNN cấp cho công trình khu tái định cư Long Sơn	57.489.967.800	57.489.967.800
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng Quận 9	-	14.613.815.500
Các khoản phải trả khác	3.240.180.097	3.076.490.068
Cộng	<u>268.895.048.809</u>	<u>283.348.619.718</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.200.486.735)	(1.460.900.628)
Trích lập các quỹ trong năm	-	1.369.264.875
Chi các quỹ trong năm	(1.094.991.900)	(3.108.850.982)
Số cuối năm	<u>(4.295.478.635)</u>	<u>(3.200.486.735)</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Quận 9 (1)	30.667.987.480	31.134.798.576
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Mỹ Thành (2)	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	140.781.820.660
Vay dài hạn Quỹ Phát triển Đầu tư Nhà ở thành phố Hồ Chí Minh (3)	83.707.527.800	83.707.527.800
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (4)	<u>225.390.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>359.765.515.280</u>	<u>275.624.147.036</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

- (1) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Quận 9, lãi suất vay áp dụng theo quy định của Ngân hàng với chi tiết như sau:
 - Hợp đồng số 6300-LAV-200901323 ngày 15 tháng 6 năm 2009 có thời hạn là 10 năm với hạn mức là 12.000.000.000 VND. Mục đích vay để xây dựng trụ sở Công ty. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.784.381.576 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.784.381.576 VND). Khoản vay không có đảm bảo.
 - Hợp đồng số 6300-LAV-201101140 ngày 20 tháng 01 năm 2011 có thời hạn là 4 năm với hạn mức là 20.000.000.000 VND. Mục đích vay để xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Long Sơn. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 19.150.417.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 19.150.417.000 VND). Khoản vay không có đảm bảo.
 - Hợp đồng số 6300-LAV-201201005 ngày 15 tháng 6 năm 2012 có thời hạn là 4 năm với hạn mức là 4.200.000.000 VND. Mục đích vay để mua 2 xe ép rác. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.733.188.904 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.200.000.000 VND). Công ty sử dụng tài sản mua bằng nguồn vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.7).
- (2) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Mỹ Thành theo Hợp đồng số 6300-LAV 201000303 ngày 18 tháng 5 năm 2010 có thời hạn 3 năm và số tiền vay là 20.000.000.000 VND. Mục đích vay để xây dựng hạ tầng khu tái định cư Long Bửu (giai đoạn 2). Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Mỹ Thành phải trả lãi suất theo quy định của Ngân hàng, không có đảm bảo.
- (3) Khoản vay dài hạn Quỹ Phát triển Đầu tư Nhà ở thành phố Hồ Chí Minh theo theo Hợp đồng số 02/2009/HĐTĐ-QPTNO ngày 28 tháng 5 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2011/PLHĐ-QPTNO ngày 3 tháng 10 năm 2011 có thời hạn vay là 3 năm và số tiền vay là 84.000.000.000 VND, lãi suất vay áp dụng theo quy định của Ngân hàng. Mục đích vay để xây dựng công trình chung cư tái định cư Hiệp Phú. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ dự án Chung cư Tái định cư Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐTC-QPTNO ngày 28 tháng 5 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2011/PLHĐ-QPTNO ngày 3 tháng 10 năm 2011 để thế chấp khoản vay này. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 83.707.527.800 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 83.707.527.800 VND).
- (4) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch theo theo Hợp đồng số Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1419100061 ngày 10 tháng 7 năm 2014 có thời hạn vay là 3 năm và số tiền vay là 240.000.000.000 VND, lãi suất vay áp dụng theo quy định của Ngân hàng. Mục đích vay để tái tài trợ dự án đầu tư Khu nhà ở Long Sơn tại Phường Long Bình, Quận

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9, thành phố Hồ Chí Minh, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền khai thác và công trình trên đất tại khu đất thuộc dự án Khu nhà ở Long Sơn, Phường Long Bình, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (tài sản hình thành trong tương lai). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 225.390.000.000 VND.

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bán nền tái định cư Long Sơn - Nhận vốn cấp, đền bù	30.909.090.909	30.909.090.909
Bán nền tái định cư Long Sơn - Thu tiền của hộ dân	31.250.495.393	11.627.795.847
Công nợ nhà thuộc sở hữu Nhà nước	2.595.048.218	3.852.265.228
Bán nền tái định cư Long Bửu giai đoạn 1 năm 2009 - Nhận vốn cấp, đền bù	51.423.975.708	51.423.975.708
Bán nền tái định cư Long Bửu giai đoạn 1 năm 2009 - Thu tiền của hộ dân	63.180.325.986	52.568.733.430
Bán nền tái định cư ấp Cầu Xây	7.658.581.461	1.430.486.270
Bán nền tái định cư ấp Cây Dầu	29.090.909.091	29.090.909.091
Bán nền tái định cư Bửu Long giai đoạn 2	12.211.420.091	
Cộng	228.319.846.857	180.903.256.483

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong các năm

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	21.827.351.718	-	1.030.950.237	2.928.201.227	25.786.503.182
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.500.238.201	1.500.238.201
Điều chỉnh thuế thu nhập tạm tính trên số tiền thu được của các dự án tái định cư chưa hoàn thành năm 2012	-	-	-	(4.263.318.164)	(4.263.318.164)
Điều chỉnh tài sản thuế thu nhập hoãn lại của các dự án tái định cư chưa hoàn thành năm 2012	-	-	-	4.263.318.164	4.263.318.164
Nhận vốn NSNN cấp cho các công trình nhà trung chuyển rác	(67.205.907)	2.312.320.199	-	-	2.245.114.292
Giảm vốn do bán nhà sở hữu	(3.704.682.946)	-	-	-	(3.704.682.946)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Nhà nước					
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.369.264.875)	(1.369.264.875)
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số cuối năm trước/ Số dư đầu năm nay	18.055.462.865	2.312.320.199	1.030.950.237	3.059.174.553	24.457.907.854
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	1.887.530.955	1.887.530.955
Điều chỉnh thuế thu nhập tạm tính trên số tiền thu được của các dự án tái định cư chưa hoàn thành năm 2013	-	-	-	(255.689.023)	(255.689.023)
Điều chỉnh tài sản thuế thu nhập hoãn lại của các dự án tái định cư chưa hoàn thành năm 2013	-	-	-	255.689.023	255.689.023
Điều chỉnh các khoản thuế truy thu của hoạt động kinh doanh năm 2013	-	-	-	(298.412.995)	(298.412.995)
Nhận vốn NSNN do nhận nhà sở hữu Nhà nước	117.570.085.746	(67.205.907)	-	-	117.502.879.839
Giảm vốn do bán nhà sở hữu Nhà nước	(1.488.832.843)	-	-	-	(1.488.832.843)
Kết chuyển vốn liên quan nhà sở hữu Nhà nước sang Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định	(123.496.509.861)	-	-	-	(123.496.509.861)
Số cuối năm nay	10.640.205.907	2.245.114.292	1.030.950.237	4.648.292.513	18.564.562.949

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây dựng	9.860.227.919	6.670.623.351
Doanh thu nạo vét HTTN, duy tu, sửa chữa	22.786.836.727	22.236.126.317
Doanh thu công tác vệ sinh môi trường	29.109.657.729	36.771.132.249
Doanh thu chăm sóc công viên tiểu đảo, phát quan	9.170.614.473	3.059.063.004
Doanh thu 36 căn, 84 căn, kiốt, thuê nhà sở hữu Nhà Nước	4.870.995.277	2.042.511.710
Doanh thu chung cư C1, C2, C3, C4	1.943.637.473	1.713.137.378
Doanh thu khác	2.173.722.096	1.605.705.847
Cộng	<u>79.915.691.694</u>	<u>74.098.299.856</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn xây dựng	8.527.360.015	6.033.438.742
Giá vốn nạo vét HTTN, duy tu, sửa chữa	22.328.274.957	21.810.859.449
Giá vốn công tác vệ sinh môi trường	22.944.173.251	26.909.357.444
Giá vốn chăm sóc công viên tiểu đảo, phát quan	6.629.088.787	2.467.204.428
Giá vốn 36 căn, 84 căn, kiốt, thuê nhà sở hữu Nhà Nước	1.839.006.071	2.426.808.054
Giá vốn chung cư C1, C2, C3, C4	1.780.788.302	1.735.348.010
Giá vốn khác	791.887.623	618.920.130
Cộng	<u>64.840.579.006</u>	<u>62.001.936.257</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	43.804.537	33.991.699
Cộng	<u>43.804.537</u>	<u>33.991.699</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.381.425.363	1.007.678.334
Chi phí bảo lãnh	829.333	16.721.035
Cộng	<u>1.382.254.696</u>	<u>1.024.399.369</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	8.605.137.988	4.756.833.554
Chi phí vật liệu quản lý	188.935.660	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.585.713	423.054.727
Chi phí khấu hao	782.965.320	804.238.090
Thuế, phí và lệ phí	87.198.159	35.986.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584.364.112	446.125.030
Chi phí bằng tiền khác	886.092.939	2.043.729.574
Cộng	<u>11.191.279.891</u>	<u>8.509.967.221</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Lợi nhuận khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	1.406.500	110.490.546
Thu nhập khác	1.406.500	110.490.546
Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	-	382.866.353
Xử lý công nợ	-	30.000.000
Chi phí khác	98.964.573	-
Chi phí khác	98.964.573	412.866.353
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	(97.558.073)	(302.375.807)

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.447.824.565	2.293.612.901
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	98.964.573	412.866.353
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	98.964.573	412.866.353
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.546.789.138	2.706.479.254
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	560.293.610	676.619.814
Cộng: Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	116.754.886
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của hoạt động kinh doanh (1)	560.293.610	793.374.700
Cộng: Thuế thu nhập tạm tính trên số tiền thu được của các dự án bất động sản chưa hoàn thành (2)	71.725.609	767.737.640
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (1) + (2)	632.019.219	1.561.112.340

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

Đối với một số dự án nhà tái định cư chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 2% doanh thu bán dự án tạm thu được đến ngày 30 tháng 9 năm 2012 theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% doanh thu bán dự án tạm thu được từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu	34.167.600.036	39.872.793.513
Chi phí nhân công	45.245.026.699	38.457.528.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.625.235.484	2.593.992.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.662.310.733	22.527.868.953
Chi phí bằng tiền khác	99.879.790.750	2.691.046.267
Cộng	185.579.963.702	106.143.229.384

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền lãi vay đã chi trả

Tiền lãi vay đã trả trong năm liên quan đến chi phí lãi vay ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào các dự án bất động sản như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.381.425.363	1.007.678.334
Chi phí lãi vay vốn vào các dự án bất động sản trong năm	62.512.395.727	9.815.970.988
Cộng: Chi phí lãi vay phải trả đầu năm	5.327.789.824	-
Trừ: Chi phí lãi vay phải trả cuối năm	<u>(4.279.289.824)</u>	<u>(5.327.789.824)</u>
Chi phí lãi vay đã thanh toán trong năm	<u>64.942.321.090</u>	<u>15.311.830.486</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>1.235.000.000</u>	<u>1.760.399.437</u>

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.12 và V.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.356.677.191	17.502.487.575
Phải thu khách hàng	11.811.190.048	9.029.750.268
Các khoản phải thu khác	4.025.857.633	5.821.062.485
Cộng	<u>35.193.724.872</u>	<u>32.353.300.328</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	32.737.800.000	30.000.000.000
Phải trả người bán	11.054.715.824	7.133.755.115
Chi phí phải trả	7.275.219.389	5.327.789.824
Các khoản phải trả khác	268.869.476.897	283.319.602.368
Vay và nợ dài hạn	359.765.515.280	275.624.147.036
Cộng	679.702.727.390	601.405.294.343

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh doanh ở lĩnh vực bất động sản, cung cấp dịch vụ công ích (thi công xây dựng các dự án tái định cư, dịch vụ công ích...); vốn để đầu tư các dự án, công trình chủ yếu do nhận từ ngân sách Nhà nước và vay ngân hàng, vì vậy, Công ty chịu rủi ro chủ yếu liên quan đến sự thay đổi của lãi suất và rủi ro giá cả trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Do tình hình kinh doanh bất động sản vẫn còn bị đóng băng, các dự án tái định cư của Công ty cũng bị ảnh hưởng. Việc vốn thiếu, giá cả vật tư ngày một tăng, lãi suất tiền vay vẫn còn cao,... sức mua của hộ dân, nhà đầu tư không cao. Vì vậy, các dự án bất động sản của Công ty cũng như của thị trường bất động sản hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Hoạt động cung cấp dịch vụ công ích (thu gom, vận chuyển và xử lý rác,..) của Công ty được thực theo chỉ định của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, khách hàng của Công ty là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị TPHCM,... khối lượng và số tiền nợ phải thu được quyết toán hàng quý. Số dư công nợ thường xuyên được đối chiếu, không có nợ khó đòi.

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là thu tiền theo tiến độ của hợp đồng, khách hàng nhỏ lẻ, không tập trung, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khách hàng là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	32.737.800.000	-	32.737.800.000
Phải trả người bán	11.054.715.824	-	11.054.715.824
Chi phí phải trả	7.275.219.389	-	7.275.219.389
Các khoản phải trả khác	268.869.476.897	-	268.869.476.897
Vay và nợ dài hạn	-	359.765.515.280	359.765.515.280
Cộng	319.937.212.110	359.765.515.280	679.702.727.390

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

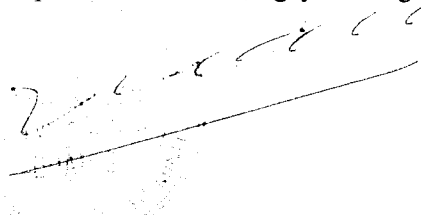

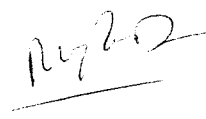
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.356.677.191	-	19.356.677.191
Phải thu khách hàng	11.811.190.048	-	11.811.190.048
Các khoản phải thu khác	4.025.857.633	-	4.025.857.633
Cộng	35.193.724.872	-	35.193.724.872
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối năm	(284.743.487.238)	(359.765.515.280)	(644.509.002.518)
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải trả người bán	7.133.755.115	-	7.133.755.115
Chi phí phải trả	5.327.789.824	-	5.327.789.824
Các khoản phải trả khác	283.319.602.368	-	283.319.602.368
Vay và nợ dài hạn	-	275.624.147.036	275.624.147.036
Cộng	325.781.147.307	275.624.147.036	601.405.294.343
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.502.487.575	-	17.502.487.575
Phải thu khách hàng	9.029.750.268	-	9.029.750.268
Các khoản phải thu khác	5.821.062.485	-	5.821.062.485
Cộng	32.353.300.328	-	32.353.300.328
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu năm	(293.427.846.979)	(275.624.147.036)	(569.051.994.015)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015

		
NGUYỄN THÀNH TUẤN Giám đốc	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG Kế toán trưởng	ĐỖ UYÊN MỸ HẠNH Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính